HNUE JOURNAL OF SCIENCE DOI: 10.18173/2354-1067.2019-0050
Social Sciences, 2019, Volume 64, Issue 8, pp. 97-106
This paper is available online at http://stdb.hnue.edu.vn

SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA QUỐC GIA - DÂN TỘC CUỐI THẾ KỈ XIX: TRƯỜNG HỢP MINH TRỊ DUY TÂN (1868 - 1912) VÀ QUÁ TRÌNH TÁI THIẾT NƯỚC MỸ SAU NỘI CHIẾN (1863 - 1877)

Nguyễn Thị Bích
Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2

Tóm tắt. Thế kỉ XIX đánh dấu những thay đổi căn bản trên thế giới, trong đó nổi bật nhất là sự phát triển của chủ nghĩa dân tộc. Ngay sau khi ra đời, chủ nghĩa dân tộc đã trở thành ngọn cờ của các lực lượng, các phong trào chính trị - xã hội, đóng vai trò không nhỏ đến định hướng phát triển cơ bản của đa số các quốc gia, các dân tộc trên thế giới. Trong đó, công cuộc Minh Trị duy tân ở Nhật Bản (1868) và quá trình Tái thiết nước Mỹ trong và sau Nội chiến (1863 - 1877) tuy diễn ra trong những điều kiện lịch sử khác nhau, cách thức tiến hành khác nhau song cũng cùng hướng đến mục tiêu số một là củng cố sức mạnh quốc gia - dân tộc thống nhất. Đây cũng chính là tiền đề cho sự phát triển của hệ tư tưởng đế quốc chủ nghĩa ở hai quốc gia trong giai đoạn sau. Bài viết tập trung phân tích một số nét tương đồng, cũng như những điểm khác biệt trong quá trình "*dân tộc hóa*" của hai quốc gia.

Từ khóa: Chủ nghĩa dân tộc, Minh Trị duy tân, nội chiến Mỹ, tái thiết.

1. Mở đầu

Vào thế kỉ XVII - XVIII, một trào lưu các cuộc cách mạng tư sản diễn ra mạnh mẽ ở Tây Âu và Bắc Mỹ đã dẫn đến việc hình thành các nhà nước - dân tộc hiện đại (*nation-state*) mang bản chất tư bản chủ nghĩa. Khi chủ nghĩa tư bản bành trướng ra khắp thế giới, nó đã kéo phần còn lại vào trong quỹ đạo phát triển của mình, kết quả là sự hình thành một số nhà nước - dân tộc tư sản hiện đại ngoài châu Âu, tiêu biểu như trường hợp của Hợp chúng quốc Hoa Kì và Nhật Bản vào cuối thế kỉ XIX. Sự ra đời và phát triển của các nhà nước - dân tộc và chủ nghĩa dân tộc cũng gắn chặt với sự ra đời của chủ nghĩa thực dân (*colonialism*) và chủ nghĩa đế quốc (*imperialism*) vào thế kỉ XX.

Tìm hiểu về chủ đề trên đã có một số công trình mang tính lí luận đề cập đến vai trò và sự phát triển của chủ nghĩa dân tộc (CNDT) như cuốn "*Physics and politic" của tác giả* W.Bagehot (1887); "*Dân tộc và chủ nghĩa dân tộc sau năm 1780" của* E. Hobsbaum (1998); "*World Politics - International politics on the world stage*" của tác giả John T.Rourge, Mark A.Boyer (2000). Trong đó, phần lớn các công trình tập trung nghiên cứu sự phát triển của chủ nghĩa dân tộc châu Âu cuối thế kỉ XIX, tiêu biểu như

Ngày nhận bài: 19/6/2019. Ngày sửa bài: 29/7/2019. Ngày nhận đăng: 1/8/2019.
Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Bích. Địa chỉ e-mail: nguyenbich30.08@gmail.com

cuốn "*Nationalism in Europe,1789 – 1945"* Timothy Baycroft (1998). Với khu vực "*ngoài châu Âu*", việc tìm hiểu sự phát triển của chủ nghĩa dân tộc còn nhiều hạn chế. Đối với Nhật Bản, các học giả thường tập trung nghiên cứu nội dung, thành tựu, các nhân vật tiêu biểu và đóng góp trên các lĩnh vực cụ thể của công cuộc Minh Trị duy tân. Tác động của quá trình này đối với sự hình thành quốc gia -dân tộc Nhật hiện đại mới chỉ được đề cập trong một số tác phẩm như: "*Building Japan 1868 – 1876"* của tác giả Richard Henry Brunton (1991); bài báo: "*Hình thành quốc gia - dân tộc ở Nhật Bản thời cận đại tiếp cận từ chính sách văn hóa – nghệ thuật"* của tác giả Nguyễn Dương Đỗ Quyên Tạp chí Khoa học, ĐHSP Hà Nội, tr.72-79, số 63 (10/2018).

Đối với quá trình Tái thiết nước Mỹ sau nội chiến (1863-1877), công trình của các học giả nước ngoài, đặc biệt là học giả Mỹ nghiên cứu về chủ đề này rất phong phú, đa dạng. Tuy nhiên, do lập trường quan điểm, cách nhìn khác nhau nên thường có khác biệt trong đánh giá. Tiêu biểu nhất trong nhóm này là cuốn: "*Lược sử Mỹ thời kì Tái thiết (1863 – 1877"* của tác giả Eric Foner. Còn ở Việt Nam hiện nay chưa có công trình nghiên cứu chuyên sâu, hệ thống về quá trình Tái thiết nước Mỹ (1863-1877) dưới góc nhìn của một học giả Việt Nam. Chủ đề trên mới chỉ được phản ánh rải rác ở một số bài báo như: Nguyễn Ngọc Dung (2010), "*Những cơ sở phát triển chủ nghĩa quốc gia – dân tộc Mỹ từ sau Nội chiến đến trước chiến tranh thế giới thứ nhất"*, Tạp chí Châu Mỹ ngày nay, tr 54-62, số 3/2010; Nguyễn Thị Bích, "*Những nhân tố tác động đến quá trình Tái thiết nước Mỹ sau nội chiến (1863-1877)"*, Tạp chí Khoa học, ĐHSP Hà Nội, tr 95-103, số 63 (tháng1/2018). Như vậy, chưa có bài viết nào hiện nay tìm hiểu sự phát triển của chủ nghĩa quốc gia dân tộc thế kỉ XIX thông qua đối sánh hai trường hợp cụ thể là quá trình Minh Trị duy tân ở Nhật Bản và công cuộc Tái thiết nước Mỹ sau Nội chiến.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Sự phát triển của chủ nghĩa quốc gia - dân tộc thế kỉ XIX

Chủ nghĩa dân tộc (CNDT) là hiện tượng toàn cầu quan trọng nhất thế kỉ XIX và tác động đến hàng loạt các sự kiện lớn trong lịch sử thế giới. CNDT được biểu hiện trước hết là *quá trình thống nhất quốc gia* gắn liền với tên tuổi các nhân vật lịch sử tiêu biểu như: Bismarck ở Đức; Mazzini và Garibaldi ở Italia; Mustafa Kemal, Aka Ataturk ở Thổ Nhĩ Kì. Đó có thể là quá trình tái thống nhất đất nước sau chiến tranh: Muhammad Ali ở Ai cập; thống nhất nước Mỹ sau Nội chiến dưới thời Lincoln.

Một biểu hiện khác của chủ nghĩa dân tộc chính là *quá trình đấu tranh giành độc lập* dân tộc: Quá trình các lãnh thổ tự trị của Anh như Canada, Australia, New Zealand trở thành các quốc gia liên bang hóa từ năm 1860 đến năm 1901 (chưa thể gọi các khu vực này là các quốc gia độc lập vì đến thời điểm đó vẫn do Nữ hoàng Anh cai trị). Ở Balkan, khi Hy Lạp giành được độc lập năm 1832 thì các công quốc Thiên chúa giáo tiến hành chiến tranh chống người Ottoman năm 1878. Ở Ấn Độ, chủ nghĩa dân tộc phát triển dưới sự lãnh đạo của Đảng Quốc Đại chống thực dân Anh; còn ở Trung Quốc, chủ nghĩa dân tộc đang trỗi dậy dưới hình thức chống thực dân và cả chế độ phong kiến đã tồn tại ở đây trong hơn 2000 năm lịch sử.

CNDT giúp đoàn kết dân tộc, đưa đến sự xuất hiện của nhiều quốc gia mới, độc lập nhưng CNDT cũng là *tác nhân gây bất ổn*, thậm chí tan rã cho các đế chế đa dân tộc.

Đó là tình thế của đế chế Ottoman khi người Hy Lạp, rồi Serb, Romani và Bulgari theo Cơ đốc giáo đấu tranh đòi tách ra thành các quốc gia độc lập. Một số phong trào giành được thắng lợi, dẫn đến sự sụp đổ của đế chế. Hay như ở Ai Cập, người lãnh đạo Muhammad Ali thật ra là người Albani và nói tiếng Thổ Nhĩ Kì chứ không phải tiếng Ai Cập và chính sách cai trị của ông đã giúp người Ai Cập hình dung họ như một quốc gia riêng rẽ.

Ở một góc độ khác, chủ nghĩa dân tộc còn là xu hướng tư tưởng *tuyệt đối hóa* giá trị dân tộc mình, đặt dân tộc mình ở vị trí cao nhất trong toàn bộ hệ thống giá trị, đi đến chỗ khoa trương, bài ngoại, tự phụ, coi dân tộc mình cao hơn tất cả và gây thiệt hại cho dân tộc khác. Nó đã giữ vai trò ảnh hưởng chính hay nguyên nhân của chiến tranh, cụ thể nhất là cuộc Chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914-1918) và Chiến tranh thế giới lần thứ hai (1939-1945). Tất cả đều liên quan đến những tư tưởng dân tộc chủ nghĩa cực đoan.

Như vậy, dưới hình thức biểu hiện khác nhau, chủ nghĩa dân tộc đã trở thành hiện tượng toàn cầu vào thế kỉ XIX. *Vậy làm thế nào để trở thành một quốc gia - dân tộc?* Có ý kiến cho rằng, "*dân tộc hóa*" là một quá trình tự nhiên khi những nhóm người có sự tương đồng văn hóa muốn chính thức hóa các mối quan hệ của họ. Có sử gia lại cho rằng: chủ nghĩa dân tộc là sản phẩm của quá trình đô thị hóa và công nghiệp hóa bởi dân thành thị mới chính là những người muốn xem mình là một phần của đất nước. Ví dụ như dân số Praque tăng từ 157.000 lên 514.000 từ năm 1850 đến 1900 và tại thời điểm đó, người Séc bắt đầu coi mình là một dân tộc độc lập, tách rời đế quốc Áo – Hung. Tuy nhiên, quan điểm này sẽ khó lí giải được tại sao ở nhưng nơi ít công nghiệp hóa khác quá trình dân tộc hóa vẫn diễn ra. Trong quá trình nghiên cứu, tác giả nhận thấy *quá trình dân tộc hóa* thường được biểu hiện ở việc: *Thứ nhất*, xây dựng bộ máy chính quyền Trung ương hùng mạnh với các thể chế chính trị thống nhất. *Thứ hai*, xây dựng một nền kinh tế dân tộc thống nhất. *Thứ ba*, gây dựng lòng yêu nước, ý thức dân tộc thông qua việc xây dựng quân đội quốc gia hùng mạnh với nghĩa vụ quân sự bắt buộc hoặc xây dựng các biểu tượng anh dùng dân tộc và sử dụng lực lượng này tấn *công các quốc gia khác vì các nước này thường được xây dựng dựa trên tư tưởng về sự* khác biệt. *Thứ tư*, xây dựng hệ thống trường và nền giáo dục công lập. Giáo dục cộng đồng thường được xem là một phần của công cuộc quốc gia hóa. Trường học và sách vở giúp chia sẻ nội dung lịch sử và các câu chuyện mang tính quốc gia hóa.

2.2. Minh Trị Duy tân và chủ nghĩa quốc gia dân tộc Nhật Bản (1868 - 1912)

Trong thế kỉ XIX, hình thành "quốc gia - dân tộc" trở thành một hiện tượng phổ biến của nền chính trị châu Âu và xã hội châu Âu. Cũng vào cuối thế kỉ này, trong thời Meiji (1868 - 1912), Nhật Bản là quốc gia đầu tiên và duy nhất du nhập tư tưởng và mô hình chính trị của châu Âu, trong đó có việc xây dựng quốc gia dân tộc. Quá trình này diễn ra trong bối cảnh chính trị trong và ngoài nước có nhiều bất ổn: Trong nhiều năm cầm quyền, sức mạnh của chính quyền Tokugawa dựa trên nhiều nhân tố nhưng việc duy trì được sự cân bằng quyền lực gồm ba cực: Thiên hoàng Minh trị - Mạc phủ Tokugawa và các lãnh chúa địa phương là một trong những điều kiện căn bản để tạo nên sự thành công cho triều đại này. Tuy nhiên, sau một thời gian dài tập trung sức mạnh chính trị và duy trì sự cân bằng quyền lực, chính quyền Edo phải đối

diện với những mâu thuẫn không thể điều hòa và đứng trước nguy cơ bị phân rã. Những rằng buộc chính trị giữa Mạc phủ Edo với các lãnh chúa địa phương ngày càng trở nên lỏng lẻo và nhiều lãnh chúa đã nổi dậy chống lại chính quyền trung ương. Do không nắm được sức mạnh kinh tế và duy trì quyền lực chính trị ở Nhật Bản, Mạc phủ đã mất dần đi uy thế chính trị và không đủ khả năng duy trì sự thống nhất đất nước.

Trong khi đó, vào giữa thế kỉ XIX, sự xâm nhập của chủ nghĩa tư bản vào thế giới phương Đông ngày càng trở nên mạnh mẽ. Là một trung tâm kinh tế lớn của châu Á, Trung Quốc trở thành mục tiêu trọng tâm của các nước phương Tây. Sự thất bại của nhà Thanh, một đế chế lớn nhất châu Á, trong cuộc Chiến tranh thuốc phiện lần thứ nhất (1840 - 1842) đã làm sụp đổ uy lực của nhà Thanh và gây nên một chấn động lớn đến chính thể phong kiến và xã hội Nhật Bản. Mặc dù chính quyền Edo vẫn chủ trương tăng cường phong tỏa bờ biển song họ cũng ý thức được việc không thể giành quyền chủ động trong toàn bộ các quan hệ đối ngoại. Năm 1853, khi Đô đốc Matthew Perry bất ngờ xuất hiện với 4 chiến hạm đen chạy bằng hơi nước được trang bị dàn đại bác lớn đã khiến dân chúng Edo vô cùng hoảng sợ. Thành Edo bị đặt trong tầm trọng pháp từ các chiến hạm Mỹ. Chính quyền Tokugawa buộc phải có những nhượng bộ, những hiệp ước "mở nước" dần được kí kết không chỉ với Mỹ mà còn với nhiều nước phương Tây khác.

Dù lúc này người Mỹ và người Nhật chưa tiến hành chiến tranh nhưng mối đe dọa từ bên ngoài đã thúc đẩy Nhật có những suy nghĩ mới về nền chính trị quốc gia. Người Nhật bị thuyết phục bởi suy nghĩ rằng nếu họ muốn duy trì độc lập thì họ phải tổ chức lại đất nước như một dân tộc hiện đại. Những luận thuyết đề cao tinh thần dân tộc cực đoan và thể hiện sự kì thị dân tộc như: "đất nước của thần linh", "loại trừ lũ man di"..được thay thế bằng những hành động và quyết tâm mở nước tích cực, nhanh chóng nắm bắt lấy những mô hình phát triển tiên tiến cũng như những thành tựu khoa học, kỹ thuật phương Tây nhằm đưa Nhật Bản mau chóng hòa nhập với sự phát triển chung của nhân loại. Điều này cũng giống như những gì đang diễn ra ở Ai Cập và Đức khi các áp lực từ bên ngoài dẫn đường cho thấy sự cần thiết phải củng cố sức mạnh đất nước.

Trong nghiên cứu của Yamamuro Shinichi (1985):"*Tri thức và chính trị Nhật Bản cận đại - từ Inoue Kaoru đến nghệ thuật đại chúng*" đã chỉ ra rằng: việc hình thành "*quốc gia – dân tộc*" gồm cả ý nghĩa đối nội và đối ngoại. Đó vừa là sự hoàn bị về cấu trúc của nền chính trị với tư cách một quốc gia có chủ quyền và năng lực hội nhập quốc tế; cũng đồng thời là một hệ thống chính trị - xã hội mà mọi người dân trong quốc gia có lợi ích bình đẳng, cũng như có quyền tham gia vào quá trình quyết định chính sách [6;73].Vì thế, năm 1867 khi chính quyền Mạc phủ bị xóa bỏ, Hoàng đế Meiji lên ngôi, khôi phục lại ngôi vàng toàn quyền. Từ một nền chính trị trung ương phân quyền, cát cứ kéo dài trong lịch sử, chính quyền Meiji đã không ngừng thử nghiệm nhằm xây dựng quốc gia - dân tộc thống nhất và từng bước xác lập vị thế quốc tế. Ngày 6/4/1868 Thiên hoàng tuyên bố "*Ngũ điều ngự thệ văn*" thể hiện ý nguyện xây dựng một xã hội nền tảng của thể chế pháp quyền, tôn trọng quyền tự do của người dân. Ngày 11/4/1868 ban bố "*Chính thể thư*" hướng tới thiết chế chính trị dân chủ tư sản theo mô hình tam quyền

phân lập với một hệ thống nội các kiểu châu Âu, ban hành Hiến pháp Minh trị và tiến hành các buổi thảo luận nghị trường.

Thần đạo bị "cách ly" khỏi tín ngưỡng dân gian và lần đầu tiên trong lịch sử được thể chế hóa trở thành tôn giáo quốc gia. Tư tưởng dân tộc chủ nghĩa của thần đạo được biểu hiện rõ nét trong việc thần thánh hóa Thiên hoàng, tôn thờ Thiên hoàng làm biểu tượng thiêng liêng, bất khả xâm phạm và tư tưởng tự tôn đất nước Nhật Bản, coi đó là nền tảng nhằm thống nhất quốc gia - dân tộc về tinh thần và tư tưởng. Ngày nay chính quyền Thiên hoàng không còn nhiều quyền lực chính trị song tại thời điểm này ông trở thành một nhân vật biểu tượng, đại diện cho truyền thống và sự đoàn kết. Do đó, Thiên hoàng trở thành trung tâm để những chính khách có tư tưởng hiện đại xây dựng niềm tự hào dân tộc, là trung tâm hội tụ sức mạnh và ý chí dân tộc.

Bên cạnh đó, chính quyền Minh trị xây dựng hệ thống thuế, tiến hành đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng công như bến cảng, đường dây điện báo, xây dựng hệ thống ngân hàng đầu tư mạnh vào đường sắt, vận tải đường biển và tạo ra một hệ thống nội tệ, nhờ đó hình thành thị trường thống nhất ở Nhật Bản. Tháng 1/1873, lệnh trung binh được ban bố với mục đích thành lập quân đội chính quy quốc gia theo hình thức bắt buộc. Mặc dù lúc đầu bị người dân phản đối, nhiều cuộc bạo loạn diễn ra vào các năm 1873, 1874 khi đám đông tấn công vào các trung tâm đăng kí nhập ngũ. Tuy nhiên, chính việc phục vụ trong quân đội đã tạo nên tinh thần yêu nước và lòng trung thành với Nhật hoàng.

Trong quá trình hình thành quốc gia - dân tộc, sự nghiệp giáo dục được Nhật hoàng đặc biệt coi trọng. Việc xây dựng hệ thống trường công lập theo mô hình châu Âu theo chế độ giáo dục bắt buộc lúc đầu bị phản đối vì những ngôi trường này được xây dựng dựa trên việc đóng thuế của người dân. Cần lưu ý rằng, giáo dục công không chỉ để phục vụ cho lợi ích của học sinh hay phụ huynh mà nó tồn tại vị lợi ích của trật tự xã hội. Mọi người dân đều được hưởng lợi ích từ một quốc gia có nền dân trí cao. Edwin O.Reichauer trong cuốn "*Nhật Bản quá khứ và hiện tại*" đã nhận xét: "một nền giáo dục phổ cập đã khiến cho Nhật Bản trở thành nước đầu tiên ở châu Á có một lượng lớn quần chúng biết đọc, biết viết. Một trình độ giáo dục phổ thông cao, cũng như sức mạnh quân sự và khả năng kỹ nghệ là lí do cắt nghĩa tại sao Nhật Bản chiếm ưu thế tại vùng Đông Á vào nửa đầu thế kỉ XX" [10;151]. Bên cạnh đó, trên lĩnh vực văn hóa xã hội, ý thức dân tộc của người Nhật cũng được thúc đẩy mạnh mẽ thông qua quá trình "văn minh khai hóa", tiếp thu những thành tựu tiên tiến của văn minh phương Tây, không chỉ có những thành tựu khoa học, kỹ thuật mà còn cả những giá trị tinh thần nhằm canh tân đất nước.

Như vậy, tại Nhật Bản, chủ nghĩa dân tộc đồng nghĩa với quá trình hiện đại hóa, phần lớn lấy cảm hứng từ sự cạnh tranh với phương Tây. Tuy nhiên mặt trái của CNDT Nhật Bản là việc chính quyền tiến hành bành trướng biên giới, tiến hành các cuộc chiến tranh với bên ngoài: Triều Tiên, Đài Loan, Trung Quốc và Nga vào cuối thế kỉ XIX. Thần đạo bị lợi dụng, sửa đổi giáo lí để tuyên truyền cho chủ nghĩa dân tộc quá khích và chủ nghĩa quân phiệt, là nhân tố thúc đẩy Nhật Bản tham gia cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất và thứ hai trong thế kỉ XX.

2.3. Quá trình phát triển quốc gia – dân tộc Mỹ thời kì Tái thiết (1863 - 1877)

Với thắng lợi của cuộc chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mĩ vào cuối thế kỉ XVIII đã đưa đến sự hình thành thiết chế nhà nước tư sản đầu tiên ở Tây bán cầu, mang tên Hợp chúng quốc Mỹ. Từ đây, nước Mỹ bước vào một giai đoạn lịch sử mới – giai đoạn hoàn thiện và phát triển Liên bang. Tuy nhiên con đường phát triển của nước Mỹ không phải là con đường bằng phẳng. Cuộc đấu tranh giành độc lập của nước Mỹ là cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân đầu tiên thành công trong lịch sử hiện đại. Tuy nhiên, những người chiến thắng đã xây dựng nên một quốc gia-dân tộc mà không có những tiền đề tối thiểu của một nhà nước. Không giống như các quốc gia ra đời trước ở châu Âu, Hoa Kì không thể nói là họ có những đường biên giới lãnh thổ tự nhiên và một lịch sử lâu dài hoặc người dân Hoa Kì thuộc về một nhà thờ chung, có chung một truyền thống dân gian cổ xưa hay có cùng nguồn gốc xuất thân. Thêm vào đó, việc mở rộng lãnh thổ thông qua xâm chiếm, mua bán và sáp nhập làm gia tăng thêm sự đa dạng vốn có. Cùng với đó là sự khác biệt về mô hình kinh tế giữa miền Nam với miền Bắc, những khuynh hướng chính trị đa nguyên giữa họ đã tạo nên những cản trở lịch sử to lớn, thách thức sự trưởng thành của quốc gia – dân tộc Mỹ. Hệ quả là 85 năm sau, cuộc Nội chiến (1863 - 1865) bùng nổ như một sự tất yếu để loại trừ những khuynh hướng ly khai, mở đường cho chủ nghĩa tư bản Mỹ tiến lên.

Ngay khi cuộc chiến đang diễn ra quyết liệt, những nhà lãnh đạo đất nước đã có những phương án Tái thiết đất nước, hướng tới giải quyết những vấn đề cốt lõi nhất trong quá trình phát triển của quốc gia Hoa Kì (1863 - 1877) trong đó bao gồm:

Tăng cường quyền lực cho chính phủ trung ương: Trước khi chiến tranh diễn ra, chính phủ Liên bang là một thể chế rất yếu ớt. Chức năng quan trọng nhất của chính phủ là điều hành hệ thống bưu chính vốn rất phổ biến trong những năm1830 - 1850 hoặc trong các chính sách với người Mỹ da đỏ và trong mối quan hệ với nước ngoài. Quyền lực chính trị thực sự vẫn nằm trong tay chính quyền bang, mọi việc đều được giải quyết ở cấp độ địa phương. Do đó người dân Mỹ "có thể suốt đời một người dân không gặp một ai là viên chức chính phủ trung ương"[7;26]. Nhưng trong và sau chiến tranh, quyền lực của chính phủ Trung ương được mở rộng và hiện diện ở những lĩnh vực trước đây chưa từng có. Chính phủ mới được thiết lập với nhiều trách nhiệm, với ngân sách và bộ máy hành chính lớn hơn nhiều so với trước. Điều VI trong Hiến pháp Mỹ đã quy định quyền lực tối cao của chính quyền Liên bang như sau: "Hiến pháp này, các đạo luật của Hợp chúng quốc Hoa Kì được ban hành theo Hiến pháp này, mọi điều ước đã hoặc sẽ được kí kết dưới thẩm quyền của Liên bang sẽ là luật tối cao của quốc gia…bất cứ điều gì trong Hiến pháp hoặc luật của các bang mà trái ngược với Hiến pháp Liên bang đều không có giá trị" [11;224].

Một bằng chứng khác cho thấy việc sự khẩn cấp của chiến tranh đã nâng vai trò của chính quyền trên nhiều lĩnh vực, đó là việc thực hiện chế độ *cưỡng bức tòng quân*. Chế độ cưỡng bức tòng quân được xem là một bài tập mới chính quyền trung ương bởi lẽ ba cuộc chiến trước đây của nước Mỹ đều do những người tình nguyện chiến đấu. Khi cuộc Nội chiến đang diễn ra, tỷ lệ thương vong kinh hoàng đã khiến các cộng đồng địa phương ở cả miền Bắc và miền Nam phải làm mọi cách để hoàn thành các chỉ tiêu về nhân sự do Washington hoặc Richmond chỉ định. Lúc đầu họ sử dụng các

phương pháp tiền thưởng để khuyến khích tòng quân. Tuy nhiên, cho đến giữa năm 1862, cả vinh quang lẫn những đãi ngộ về mặt vật chất cũng không lấp đầy đội ngũ của quân đội hai bên. Giờ đây, vì quá cần thiết, cả Liên bang và phe li khai đều khẳng định một thứ quyền mà trước đây chưa bao giờ được công bố - quyền ép buộc người dân phải liều mạng sống của mình vì quốc gia. Nói cách khác, sự đổi mới này là một trong nhiều phương thức nhằm đặt quyền lực của quốc gia lên trên quyền lực địa phương, tăng thêm sự hòa nhập theo hình thức và vật chất của đất nước. Cùng với đó là lòng trung thành với quốc gia đã hiện hữu và cao hơn lòng trung thành với các bang. Hình ảnh lá cờ Mỹ, lòng yêu nước của người Mỹ được hiện hữu trong cuộc chiến này.

Phát triển kinh tế, hình thành thị trường dân tộc thống nhất: Sau khi loại trừ được chế độ nô lệ và những khuynh hướng ly khai chính trị, nước Mỹ bước vào giai đoạn phát triển mạnh mẽ và toàn diện của chủ nghĩa tư bản. Chính phủ Liên bang có nhiều điều kiện thuận lợi để thi hành những chính sách phát triển kinh tế - xã hội như phát triển ngành đường sắt, dầu khí, chế tạo thép, tài chính, ngân hàng và công nghiệp quân sự. Đây chính là tiền đề cho nước Mỹ tiến hành cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai diễn ra với quy mô lớn và tốc độ như vũ bão.

Việc khuyến khích xây dựng các tuyến giao thông vận tải, đặc biệt là hệ thống đường sắt trong thời kì Tái thiết có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Trong giai đoạn từ 1860 đến 1870, độ dài của đường sắt ở Mỹ đã tăng lên tới 80%. Mùa xuân năm 1868, tuyến đường sắt xuyên lục địa đầu tiên được hoàn thành với tổng chiều dài 1.775 dặm Anh. Từ năm 1864 - 1871, trên khắp nước Mỹ đã xây dựng được thêm 3 tuyến đường sắt chính: đường Bắc Thái Bình Dương năm 1882, Đường Đại Bắc Dương – Thái Bình Dương năm 1893 và tuyến Taxas – Thái Bình Dương. Nhờ đó, tổng chiều dài đường sắt ở Mỹ tăng lên 140.000 dặm Anh [8;55].

Nếu như trước đây, hệ thống đường sắt chủ yếu được phân bố ở khu vực Tây - Bắc và phía Đông lãnh thổ, nối vùng đồng bằng lưu vực sông Mississippi với bờ Đại Tây Dương thì việc chính phủ phát triển hệ thống đường sắt xuyên lục địa đã kết nối chặt chẽ hai miền Đông – Tây – trọng điểm phát triển kinh tế của đất nước. Chính hệ thống đường sắt còn kích thích cho ngành công nghiệp gang thép phát triển, thúc đẩy các ngành công nghiệp nặng gia tăng nhanh chóng.

Bên cạnh sự phát triển như vũ bão về công nghiệp, các chính sách tái thiết cũng tạo điều kiện cho sự phát triển của chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp. Việc bãi bỏ chế độ nô lệ da đen ở miền Nam đã góp phần giải phóng sức sản xuất xã hội, tác động to lớn đến ngành nông nghiệp ở miền Nam và miền Tây nước Mỹ, giúp liên kết các vùng của đất nước, hình thành thị trường dân tộc nội địa thống nhất.

Xây dựng xã hội Mỹ dân chủ, bình đẳng: Trong một quốc gia nơi mà lịch sử không cho người Mỹ có mối quan hệ ràng buộc về tổ tiên thì một câu hỏi cần đặt ra đó là làm thế nào để cư dân trên vùng đất đó xác định mình là người Mỹ, thuộc về dân tộc Mỹ. J.Hector St. John de Crèvecour đã có những suy nghĩ đó khi ông đặt vấn đề năm 1782: "*Vậy thì người Mỹ, con người mới ấy là gì*?" . Câu trả lời của các nhà lập quốc là ý thức hệ, là những hành động dựa trên những nguyên tắc mới…những ý tưởng mới… quan niệm mới. Theo đó, nước Mỹ đã đứng lên đấu tranh vì tự do, cơ hội, đa nguyên tôn giáo, vì một chính phủ mang tính đại diện đồng đều và một tương lai tốt đẹp hơn cho tất cả mọi người. Đó là các giá trị như nền chính trị dân chủ, tự do

bình đẳng cho mọi người. Minh chứng cho điều này là trong bản diễn văn tại Gettysburg tháng 11/1863, Tổng thống Lincoln đã tuyên bố: "*Tám mươi bảy năm trước, ông cha chúng ta đã khai sinh ra trên lục địa này một quốc gia mới, được thai nghén trong Tự do, và sống hiến dâng cho lí tưởng được đề ra, rằng tất cả mọi người được tạo hóa sinh ra bình đẳng. và kêt thúc rằng chúng ta ở đây sẽ có quyết tâm cao để cho những người đã ngã xuống sẽ không hy sinh một cách phí hoài – rằng quốc gia này, dưới ơn trên của Chúa, sẽ chứng kiến sự tái sinh của tự do – và rằng chính quyền của dân, do dân và vì dân, sẽ không biến mất khỏi trái đất này*" [12]. Trong số 271 từ trong bài diễn văn trên, ông sử dụng từ "*union*" một lần nhưng có đến năm lần sử dụng từ "*nation*". Cuộc chiến được bắt đầu với mục đích cứu Liên minh, nhưng khi cuộc chiến kết thúc người ta lại nhấn mạnh đến sự cố kết và phát triển của dân tộc.

Để thực hiện được điều đó, trong thời kì Tái thiết, chính quyền Mỹ đã thông qua bản Tu chính án (sửa đổi Hiến pháp) với những nội dung tiến bộ như: Tu chính án 13 đã chấm dứt hoàn toàn chế độ nô lệ trên quốc gia này về mặt luật pháp năm 1865. Luật về các quyền dân sự năm 1866 cố gắng xóa bỏ hiệu lực của các Bộ luật đen (Black Code) nhằm bảo vệ an toàn cho người da đen tự do. Tu chính án 14 với nội dung xác định những người sinh ra trên lãnh thổ Hợp chúng quốc Mỹ hoặc được nhập quốc tịch Mỹ sẽ là công dân Mỹ với đầy đủ các đặc quyền phúc lợi và bất khả xâm phạm. Năm 1870, Mỹ phê chuẩn Tu chính án 15 quy định quyền bầu cử của công dân Mỹ, không bị phân biệt bởi lí do chủng tộc, màu da hay tình trạng nô lệ trước đây. Điều này có nghĩa là, lần đầu tiên rất nhiều người sinh sống trên đất Mỹ được công nhận có quyền bầu cử, được chính thức bước vào cộng đồng vĩ đại của đất nước Hoa Kì. Nhờ đó, càng làm cho họ tự hào và gắn bó hơn với đất nước.

Sau khi hoàn thành quá trình Tái thiết, nhà nước Liên bang đã sắp đặt quyền lực lên toàn bộ lãnh thổ rộng lớn, sự nghiệp công nghiệp hóa hiện đại được tiến hành mạnh mẽ ở quy mô chưa từng thấy, nước Mỹ nhanh chóng trở thành một cường quốc kinh tế. Từ đây, chủ nghĩa quốc gia - dân tộc Mỹ mang những sắc thái bành trướng mới. Dựa vào các cơ sở lí luận như Vận mệnh hiển nhiên (Manifest Destiny) và thuyết Darwin xã hội, nước Mỹ nhanh chóng vạch ra chiến lược bành trướng ra toàn thế giới, mang đầy đủ bản chất của chủ nghĩa đế quốc vào đầu thế kỉ XX.

3. Kết luận

Vào cuối thế kỉ XIX, chủ nghĩa dân tộc trở thành một xu hướng phổ quát trong tiến trình phát triển của các quốc gia trên thế giới. Với công cuộc Minh Trị duy tân ở Nhật Bản và Tái thiết đất nước sau Nội chiến ở Mỹ, quá trình quốc gia hóa ở hai quốc gia trên đã đạt được nhiều thành tựu. Trong quá trình đó, hai quốc gia có nhiều điểm chung như: tình hình chính trị chia rẽ, vai trò của chính quyền trung ương lỏng lẻo, tình trạng cát cứ, tranh chấp nội bộ ở hai quốc gia đầu thế kỉ XIX. Từ đó cho thấy công cuộc Minh trị ở Nhật Bản hay quá trình Tái thiết ở Mỹ về bản chất chính là sự tăng cường quyền lực nhà nước, xác định mối quan hệ giữa chính quyền trung ương và địa phương; ban bố hiến pháp, xây dựng tinh thần dân tộc và là cơ sở để hệ tư tưởng đế quốc chủ nghĩa xuất hiện… Đây chính là thời điểm bước ngoặt đưa đến sự ra đời của quốc gia - dân tộc Mỹ, Nhật hiện đại, trở thành các cường quốc trên thế giới. Những thành công trên không thể không nhắc đến vai trò lãnh đạo của những người

sáng lập quốc gia như Thiên hoàng Minh Trị hay Tổng thống Lincoln và tầng lớp trí thức tinh hoa giúp sức.

Tuy nhiên quá trình này cũng có những điểm khác biệt: nếu như quá trình thống nhất châu Âu hay ở Nhật dựa trên cơ sở một dân tộc hoặc một nền văn hóa chung, hoặc với di sản ngôn ngữ thống nhất. Ví dụ như ở Đức thì chủ yếu là dân tộc Đức, ở Ý thì có vành đai ngôn ngữ Ý làm điểm chung, Nhật Bản là quốc gia đơn dân tộc và có cội nguồn văn hóa đồng nhất. Nhưng với nước Mỹ thì quá trình này phải dựa trên các giá trị phổ quát, không phải dựa trên các yếu tố dân tộc đặc biệt hay di sản tôn giáo. Theo đó, nước Mỹ đã đứng lên đấu tranh vì tự do, cơ hội bình đẳng và vì một chính phủ mang tính đại diện đồng đều và một tương lai tốt đẹp hơn cho tất cả mọi người. Sau khi hoàn thành việc cố kết dân tộc, củng cố sức mạnh của chính quyền trung ương, chủ nghĩa quốc gia dân tộc ở cả hai nước đã mang những sắc thái bành trướng mới, làm cơ sở cho sự xuất hiện của hệ tư tưởng đế quốc chủ nghĩa ở hai quốc gia trong nửa đầu thế kỉ XX.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] W. Bagehot, 1887. *Physics and politics*. Nxb London press.

[2] E. Hobsbaum, 1998. *Dân tộc và chủ nghĩa dân tộc sau năm 1780*. Nxb Mátxcơva (bản dịch tiếng Việt).

[3] John T.Rourge, Mark A.Boyer, 2000. *World Politics - International politics on the world stage*. Dushkin/McGraw – Hill.

[4] Timothy Baycroft, 1998. *Nationalism in Europe, 1789 - 1945*. Cambridge University press.

[5] Richard Henry Brunton, 1991. *Building Japan 1868 – 1876.* Japan Library Ltd.

[6] Nguyễn Dương Đỗ Quyên, 2018. "*Hình thành quốc gia - dân tộc ở Nhật Bản thời cận đại tiếp cận từ chính sách văn hóa – nghệ thuật*", Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, số 63 (10/2018. tr.72-79.

[7] Eric Foner, 2009. *Lược sử Mỹ thời kì Tái thiết (1863 – 1877).* Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.

[8] Nguyễn Ngọc Dung, 2010. "*Những cơ sở phát triển chủ nghĩa quốc gia – dân tộc Mỹ từ sau Nội chiến đến trước chiến tranh thế giới thứ nhất*". Tạp chí Châu Mỹ ngày nay, số 3/2010, tr 54-62.

[9] Nguyễn Thị Bích, 2018. "*Những nhân tố tác động đến quá trình Tái thiết nước Mỹ sau nội chiến(1863-1877).* Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, số 63 (tháng 1/2018), tr.95-103.

[10] Edwin O. Reischauer, 1994. *Nhật bản quá khứ và hiện tại (Japan past and present)*, Nguyễn Nghị (dịch). Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

[11] [George Clack, 2005. *Khái quát về lịch sử nước Mỹ*, Phòng Thông tin – văn hóa, Đại sứ quán Hoa Kì (dịch). Nxb Thanh niên, Hà Nội.

[12] http://www.abrahamlincolnonline.org/lincoln/speeches/gettysburg.htm

ABSTRACT

The Development of nationalism in 19th century: study case the Meiji Restoration in Japan (1868-1912) and Reconstruction Era in American (1863-1877)

Nguyen Thi Bich

Faculty of History, Hanoi Pedagogical University 2

The 19th century marked fundamental changes in the world. Immediately after its birth, nationalism became the flag of political and social forces and movements, playing a significant role in the basic development orientation of the majority of nations as well as people in the world. Inside, the case of Meiji Restoration in Japan (1868) and the process of reconstruction in the United States during and after the Civil War (1863 - 1877) took place in different historical conditions - the way to proceed each other but also towards the number one goal: “strengthen national strength” - unified nation. This is also the premise for the development of imperialist ideology in the two countries in the later stage. This paper focuses on analyzing some similarities in the process of "nationalization" of the two countries, and also points out the specifics of each country in the development process.

Keywords: Nationalism, Meiji restoration, American civil war, reconstruction.